ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ AN HÒA THỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 45/TB-UBND	*An Hòa Thịnh, ngày 10 tháng 10 năm 2023*

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết công khai tình hình thực hiện ngân sách xã Quý III năm 2023

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách ; Văn bản số 3949/BTC-NSNN ngày 05/4/2018 của Bộ tài chính về việc thực hiện công khai ngân sách theo quy định của Luật NSNN 2015;

Căn cứ Quyết định số 110/QĐ-UBND ngày 13/7/2023 của UBND xã An Hòa Thịnh Về việc niêm yết công khai tình hình thực hiện ngân sách xã Quý III năm 2023;

Thông báo niêm yết dự toán tại các địa điểm sau:

- Tại trụ sở UBND xã An Hòa Thịnh và Nhà văn hóa 19 thôn
- Trên cổng thông tin điện tử xã.
- Thời gian niêm yết: Từ ngày 10/10/2023 đến ngày 10/11/2023

Vậy Ủy ban nhân dân xã An Hòa Thịnh thông báo để toàn thể Đảng viên, cán bộ và nhân dân trong toàn xã được biết.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Đông

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ AN HÒA THỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:134 /QĐ-UBND	*An Hòa Thịnh, ngày 10 tháng 10 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố, công khai tình hình thực hiện ngân sách xã quý III năm 2023 của xã An Hòa Thịnh

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước; Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 163/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 6975/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 của UBND huyện Hương Sơn về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 cho xã An Hòa Thịnh;

Căn cứ Nghị quyết số 43/NQ- HĐND ngày 22/12/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Hương Sơn về việc phê chuẩn dự toán thu, chi Ngân sách năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐND, ngày 04/01/2023 của HĐND xã An Hòa Thịnh về việc phân bổ dự toán thu, chi Ngân sách năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 của UBND xã An Hòa Thịnh về việc giao dự toán thu chi ngân sách xã năm 2023;

Xét đề nghị của Trưởng ban tài chính ngân sách xã;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố, công khai số liệu thực hiện ngân sách xã quý III năm 2023 của UBND xã An Hòa Thịnh,

(Có bảng cân đối ngân sách quý III năm 2023 chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Văn phòng Ủy ban nhân dân xã An Hòa Thịnh, Ban tài chính tổ chức thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:
- Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Các trưởng thôn trong xã;
- Lưu: VT,

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Đông

UBND XÃ AN HÒA THỊNH Biểu số 113/CKTC-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 110QĐ-UBND ngày 13/7/2023 của UBND xã)

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung thu	Dự toán năm	Thực hiện quý 3	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
I	**TỔNG SỐ THU**	**8,777,372,053**	**3,155,837,160**	**35.95**
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	1,089,402	762,583	70.00
2	Các khoản thu xã hưởng theo tỷ lệ (1)	285,999,651	112,413,177	39.31
3	Thu bổ sung	8,490,283,000	3,042,661,400	35.84
	- Thu bổ sung cân đối	8,490,283,000	1,935,056,000	22.79
	- Thu bổ sung có mục tiêu		1,107,605,400	
4	Thu chuyển nguồn			
II	**TỔNG SỐ CHI**	**9,114,230,000**	**3,150,189,012**	**34.56**
1	Chi đầu tư phát triển	1,004,500,000	781,508,000	**77.80**
2	Chi thường xuyên	7,900,962,000	2,368,681,012	**29.98**
4	Dự phòng	208,768,000		

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ AN HÒA THỊNH

Biểu số 115/CKTC-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ 3 NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 110/QĐ-UBND ngày 13/7/2023 của UBND xã)

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán			Ước thực hiện quý 3			So sánh (%)		
		Tổng số	XDCB	TX	Tổng số	XDCB	TX	Tổng số	XDCB	TX
	TỔNG CHI	**9,225,893,000**	**450,000,000**	**8,775,893,000**	**3,150,189,012**	**781,508,000**	**2,368,681,012**	**34.15**	**173.67**	**26.99**
	Trong đó:				0					
1	Chi sự nghiệp Quốc phòng	660,724,000		660,724,000	162,234,000		162,234,000	24.55		24.55
2	Chi trật tự an toàn xã hội	223,860,000		223,860,000	54,695,000		54,695,000	24.43		24.43
3	Chi giáo dục:	10,000,000		10,000,000	0					
4	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	0			0					
5	Chi y tế	111,916,000		111,916,000	22,287,000		22,287,000	19.91		19.91
6	Chi văn hóa, thông tin	30,000,000		30,000,000	0			0.00		0.00
7	Chi phát thanh, truyền thanh	40,000,000		40,000,000						
8	Chi thể dục thể thao	40,000,000		40,000,000	62,060,000		62,060,000			
9	Chi bảo vệ môi trường	50,000,000		50,000,000	0			0.00		0.00
10	Chi các hoạt động kinh tế	848,445,000	450,000,000	398,445,000	786,157,000	410,460,000	375,697,000	92.66	91.21	94.29
11	Chi hoạt động của cơ quan Nhà nước, Đảng, đoàn thể	6,345,282,000		6,345,282,000	1,954,893,012	371,048,000	1,583,845,012	24.96		24.96
12	Chi cho công tác xã hội	421,004,000		421,004,000	107,863,000		107,863,000	25.62		25.62
13	Chi khác (cải cách tiền lương)	217,584,000		217,584,000	0					
14	Dự phòng ngân sách	227,078,000		227,078,000	0					

UBND XÃ AN HOÀ THỊNH

Biểu số 114/CKTC-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 110/QĐ-UBND ngày 13/7/2023 của UBND xã)

ĐVT: Đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		ƯỚC THỰC HIỆN		SO SÁNH(%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	**9,900,283,000**	**9,225,902,000**	**3,329,750,453**	**3,155,837,160**	**33.63**	**34.21**
I	**Các khoản thu 100%**	**142,000,000**	**142,000,000**	**1,089,402**	**762,583**	**0.77**	**0.54**
1	Phí, lệ phí	17,000,000	17,000,000			0.00	0.00
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi cộng sản khác	85,000,000	85,000,000			9.71	9.71
3	Thu từ hoạt động king tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt và tịch thu khác theo quy định			1,089,402	762,583		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác	40,000,000	40,000,000			0.00	0.00
II	**Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm(%)**	**1,268,000,000**	**593,619,000**	**285,999,651**	**112,413,177**	**22.56**	**18.94**
I	Các khoản thu phân chia	75,000,000	59,619,000	5,100,610	4,200,488	6.80	7.05
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp						
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	75,000,000	59,619,000	600,000	600,000		
1.4	Lệ phí trước bạ, nhà đất			4,500,610	3,600,488		
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	1,193,000,000	534,000,000	280,899,041	108,212,689	23.55	20.26
2.1	Thu tiền sử dụng đất	1,000,000,000	450,000,000	151,506,800	68,178,060		
2.2	Thu tiền mặt đất, mặt nước	50,000,000	15,000,000				
2.3	Thuế GTGT-TNDN	143,000,000	69,000,000	129,392,241	40,034,629		
2.4	Các khoản thu phân chia khác						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã(nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn						
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	**8,490,283,000**	**8,490,283,000**	**3,042,661,400**	**3,042,661,400**	**35.84**	**35.84**
1	Thu bổ sung cân đối	8,490,283,000	8,490,283,000	1,935,056,000	1,935,056,000	22.79	22.79
2	Thu bổ sung có mục tiêu			1,107,605,400	1,107,605,400		